TOÀ ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 15/2021/HNGĐ-PT
Ngày 13-7-2021
V/v Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Bà Đặng Hồ Điệp

Các Thẩm phán: Bà Trần Thị Vân Thúy

Bà Bùi Thị Thúy Hà

- Thư ký phiên toà: Bà Phạm Thủy Anh - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng Hải - Kiểm sát viên.

Ngày 13 tháng 7 năm 2021, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Hải Phòng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 14/2021/TLPT-HNGĐ ngày 11 tháng 5 năm 2021 về việc "không công nhận quan hệ vợ chồng".

Do Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng có kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 112/2021/QĐ-PT ngày 31 tháng 5 năm 2021, Quyết định tạm ngừng phiên tòa số 152/2021/QĐ-PT ngày 30 tháng 6 năm 2021, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị Phạm Thị Thu A; nơi cư trú: Số 37/201 (số mới 7/47/201) đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

- *Bị đơn*: Anh Nguyễn Văn B; nơi cư trú: Số 37/201 (số mới 7/47/201) đường LT, phường LT, quận NQ, thành phố Hải Phòng; có mặt.

Người kháng cáo: Anh Nguyễn Văn B là bị đơn.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu A trình bày:

Chị Phạm Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B chung sống với nhau từ năm 2001 như vợ chồng, có tổ chức lễ cưới theo phong tục Việt Nam. Theo anh Nguyễn Văn B nói là anh, chị có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân (UBND) phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống được một thời gian ngắn thì vợ chồng xảy ra mâu thuẫn do tính cách không hợp. Anh chị thường xuyên xảy ra xô xát và đã sống ly thân nhau đến nay được khoảng 5, 6 năm. Tháng 3 năm 2020, anh chị đã tự thỏa thuận chia tài sản chung.

Ngày 29/7/2020 chị Phạm Thị Thu A đã làm đơn xin ly hôn anh Nguyễn Văn B gửi Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng giải quyết. Tuy nhiên trong hồ sơ còn thiếu Giấy đăng ký kết hôn. Việc này chị Phạm Thị Thu A có hỏi anh Nguyễn Văn B để cung cấp cho Tòa án nhưng anh Nguyễn Văn B không đưa và không đồng ý ly hôn với chị. Chị Phạm Thị Thu A yêu cầu Tòa án xác minh về đăng ký kết hôn của vợ chồng tại hai nơi là Uỷ ban nhân dân phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, thành phố Hải Phòng và Uỷ ban nhân dân xã Dương Quan, huyện Thủy Nguyên, thành phố Hải Phòng. Sau khi Tòa án xác minh ở hai địa phương trên đều thể hiện không có việc vợ chồng chị có đăng ký kết hôn. Như vậy, anh Nguyễn Văn B nói có đăng ký kết hôn thì anh Nguyễn Văn B phải có nghĩa vụ chứng minh. Xét thấy tình cảm giữa hai người không còn, để đảm bảo quyền lợi, chị Phạm Thị Thu A làm đơn này đề nghị Toà án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Chị Phạm Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B có 01 con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 09/12/2003, hiện nay cháu đang ở với anh Nguyễn Văn B. Chị A đồng ý giao con cho anh B tiếp tục nuôi. Anh chị tự thoả thuận về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B tự thỏa thuận nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, bị đơn anh Nguyễn Văn B không đồng ý với quan điểm của chị Phạm Thị Thu A về việc chị yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng nên anh không viết bản tự khai. Tuy nhiên tại phiên hòa giải ngày 10/11/2020, anh Nguyễn Văn B trình bày:

Anh khẳng định giữa anh và chị Phạm Thị Thu A có đăng ký kết hôn, nhưng do thời gian lâu nên anh chưa tìm thấy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn

và anh không nhớ thời gian đăng ký, khi nào tìm thấy anh sẽ cung cấp cho Tòa án. Anh Nguyễn Văn B cam đoan việc có đăng ký kết hôn giữa anh và chị Phạm Thị Thu A là đúng, nếu sai anh xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Về con chung: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị Thu A có 01 con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 09/12/2003 hiện nay cháu đang ở với anh Nguyễn Văn B. Anh nhất trí với ý kiến của chị Phạm Thị Thu A là anh nuôi con. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con anh, chị tự thoả thuận không yêu cầu Toà án giải quyết.

Về tài sản chung: Anh Nguyễn Văn B yêu cầu Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật.

Với nội dung trên, bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân Quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đã quyết định:

Không công nhận chị Phạm Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B là vợ chồng.

Về con chung: Giao con chung là Nguyễn Thành C, sinh ngày 09/12/2003 cho anh Nguyễn Văn B nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị Thu A tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi chấm dứt quan hệ vợ chồng, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Ngoài ra, bản án có tuyên quyền kháng cáo và án phí đối với các đương sự.

Ngày 15 tháng 4 năm 2021, anh Nguyễn Văn B kháng cáo toàn bộ bản án sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm vì không đồng ý với nội dung của bản án sơ thẩm về việc không công nhận quan hệ vợ chồng giữa anh và chị A.

Tại phiên tòa, nguyên đơn xác nhận vợ chồng có đăng ký kết hôn và yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Bị đơn rút một phần nội dung kháng cáo về việc nuôi con chung và tài sản chung đã được giải quyết như bản án sơ thẩm; yêu cầu Tòa án xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp vì vợ chồng có đăng ký kết hôn và xác định vợ chồng không có cơ hội đoàn tụ do không có tiếng nói chung nên khó hòa hợp. Tuy nhiên, bị đơn có nguyện vọng yêu cầu nguyên đơn rút đơn xin ly hôn để con trai Nguyễn Thành C hoàn thiện hồ sơ du học tại Úc

xong sẽ giải quyết việc ly hôn của vợ chồng. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Hải Phòng phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Thư ký, Hội đồng xét xử; việc chấp hành pháp luật của các đương sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm nghị án đã đảm bảo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về nội dung kháng cáo:

Tại phiên tòa phúc thẩm ngày 30/6/2021, anh Nguyễn Văn B cung cấp cho Hội đồng xét xử 01 bản phô tô Giấy chứng nhận kết hôn của anh và chị Phạm Thị Thu A; chị A đã công nhận chữ ký trên tài liệu do anh B cung cấp là đúng của chị nhưng chị yêu cầu phải có bản gốc Giấy chứng nhận kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử đã quyết định tạm ngừng phiên tòa để xác minh về việc đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn bản phô tô do anh Nguyễn Văn B giao nộp tại phiên tòa.

Tòa án nhân dân thành phố Hải Phòng đã tiến hành xác minh tại Uỷ ban nhân dân phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân ngày 06/7/2021, làm việc với bà Hoàng Thị Hằng cán bộ tư pháp thuộc UBND phường; làm việc với ông Nguyễn Tuấn Anh - nguyên là cán bộ hộ tịch thuộc UBND phường; làm việc với ông Phạm Đắc Nghệ - nguyên là phó Chủ tịch UBND xã Dư Hàng Kênh đều thể hiện có việc đăng ký kết hôn và ký Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn, xong vì thời gian đăng ký kết hôn của anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị Thu A vào thời điểm ngày 31/12/2001, cán bộ UBND đã ghi số 128 quyển số 01/2001, xong vì hết năm công tác, đồng thời hết sổ thụ lý nên đã quên không ghi vào sổ mới. Cần xác định đây hôn nhân hợp pháp, vụ việc giải quyết không phải là không công nhận quan hệ vợ chồng như bản án sơ thẩm mà giải quyết theo quy định về tranh chấp ly hôn. Nguyên đơn là chị Phạm Thị Thu A vẫn yêu cầu giải quyết ly hôn nên cần chấp nhận. Và đề nghị Hội đồng xét xử sửa một phần bản án sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 02/4/2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng đối với nội dung không công nhận vợ chồng; chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn cho chị Phạm Thị Thu A được ly hôn với anh Nguyễn Văn B.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

- Xét kháng cáo của anh Nguyễn Văn B:

[1] Xét việc anh Nguyễn Văn B rút một phần nội dung kháng cáo về việc nuôi con chung và tài sản chung là tự nguyện, phù hợp với quy định tại khoản 3

Điều 298 của Bộ luật Tố tụng dân sự và được nguyên đơn đồng ý nên Tòa án chấp nhận việc rút một phần kháng cáo của anh B.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Tại phiên tòa ngày 30/6/2021, anh B giao nộp cho Hội đồng xét xử Giấy chứng nhận kết hôn (bản phô tô) giữa anh và chị Phạm Thị Thu A thể hiện đăng ký kết hôn ngày 31/12/2001 tại Ủy ban nhân dân xã Dư Hàng Kênh (nay là phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, Hải Phòng). Sau khi Hội đồng xét xử cho chị A tiếp cận, kiểm tra chứng cứ, chị A thừa nhận chữ ký, chữ viết Phạm Thị Thu A tại tờ giấy Giấy chứng nhận kết hôn (bản phô tô do anh Tín giao nộp) là chữ ký, chữ viết của chị nhưng chị yêu cầu anh B phải xuất trình bản gốc. Anh B trình bày chưa tìm thấy bản gốc giấy chứng nhận kết hôn. Hội đồng xét xử tạm ngừng phiên tòa để xác minh việc đăng ký kết hôn của anh B và chị A. Kết quả xác minh được ông Phạm Đắc Nghệ - nguyên là Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân xã Dư Hàng Kênh giai đoạn năm 2001 xác nhận ông đã ký giấy chứng nhận kết hôn cho anh B và chị A; chữ ký, chữ viết Phạm Đắc Nghệ tại Giấy chứng nhận kết hôn bản phô tô do anh B giao nộp cho Tòa án đúng là chữ ký, chữ viết của ông Nghệ. Ngoài ra ông Nguyễn Tuấn Anh - nguyên là cán bộ hộ tịch của Ủy ban nhân dân xã Dư Hàng Kênh giai đoạn năm 2001 cũng xác nhận chữ ký, chữ viết Nguyễn Tuấn Anh tại Giấy chứng nhận kết hôn bản phô tô do anh B giao nộp cho Tòa án đúng là chữ ký, chữ viết của ông Tuấn Anh. Ông Tuấn Anh là người trình ông Nghệ ký giấy chứng nhận kết hôn cho anh B và chị A. Nhưng do thời điểm anh B và chị A đăng ký kết hôn là cuối năm nên ông quên chưa kịp vào sổ mới tiếp theo nên sổ lưu đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dư Hàng Kênh không thể hiện việc đăng ký kết hôn của anh B và chị A. Sự việc này đã được Tòa án cấp sơ thẩm xác minh tại Ủy ban nhân dân phường Dư Hàng Kênh như tài liệu được lưu trong hồ sơ vụ án.

[3] Như vậy, mặc dù giấy chứng nhận kết hôn do anh B giao nộp là bản phô tô nhưng việc thừa nhận chữ ký, chữ viết của chị A tại Giấy chứng kết hôn này, cùng với ý kiến của ông Phạm Đắc Nghệ và ông Nguyễn Tuấn Anh, đủ căn cứ xác định việc chị A và anh B có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã Dư Hàng Kênh (nay là phường Dư Hàng Kênh, quận Lê Chân, Hải Phòng) như lời khai của anh B là có căn cứ. Nên hôn nhân giữa chị A và anh B là hôn nhân hợp pháp theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình. Quá trình giải quyết vụ án tại cấp sở thẩm, các đương sự có yêu cầu giải quyết về việc nuôi con chung, không yêu cầu giải quyết về chia tài sản chung. Do vậy, cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm, xác định lại quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ án là "ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn".

[4] Về quan hệ vợ chồng: Anh B thừa nhận không còn tình cảm vợ chồng với chị A do vợ chồng không có tiếng nói chung, mặt khác do chị A có quan hệ

ngoại tình nên vợ chồng khó hòa hợp với nhau về tình cảm. Vợ chồng đã ly thân, đã tự giải quyết chia tài sản và đồng ý ly hôn. Tuy nhiên anh B có nguyện vọng yêu cầu chị A rút đơn xin ly hôn để con trai Nguyễn Thành C hoàn thiện hồ sơ du học tại Úc xong sẽ giải quyết việc ly hôn của vợ chồng nhưng chị A không đồng ý và yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị và anh B được ly hôn. Theo chị A trình bày, cháu Công đã đỗ một trường Phổ thông Trung học tại Hà Nội và cháu sẽ không đi Úc nữa. Mặt khác, tại Biên bản lấy lời khai ngày 18/12/2020 của cháu Nguyễn Thành C có mặt anh Nguyễn Văn B, cháu Công trình bày: "...Mẹ cháu có đơn xin không công nhận vợ chồng với bố cháu thì Tòa án giải quyết theo quy định của pháp luật, cháu không biết... Cháu đang sinh sống với bố cháu, nếu bố mẹ cháu không sống với nhau nữa thì cháu vẫn sống cùng với bố cháu... ". Hội đồng xét xử thấy bản thân anh B cũng xác định không còn tình cảm vợ chồng với chị A và muốn ly hôn, cho thấy mục đích hôn nhân giữa anh B và chị A không đạt được, mâu thuẫn đã trầm trọng kéo dài nhiều năm. Việc kéo dài cuộc hôn nhân khi cả hai bên đều xác định không còn tình cảm với nhau là không cần thiết nên cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị A.

[5] Từ những nhận định như trên, chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn B. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, khoản 2 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55, Điều 56, các điều 81; 82; 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào khoản 5 Điều 27, khoản 2 Điều 29 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án,

1. Chấp nhận một phần kháng cáo của anh Nguyễn Văn B.

2. Đình chỉ yêu cầu kháng cáo của anh Nguyễn Văn B về việc nuôi con chung và chia tài sản chung của vợ chồng.

3. Sửa bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 08/2021/HNGĐ-ST ngày 02 tháng 4 năm 2021 của Tòa án nhân dân quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng:

Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn.

Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Thị Thu A được ly hôn anh Nguyễn Văn B.

Về con chung: Giao con chung Nguyễn Thành C, sinh ngày 09/12/2003 cho anh Nguyễn Văn B nuôi cho đến khi con đủ 18 tuổi hoặc có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con: Anh Nguyễn Văn B và chị Phạm Thị Thu A tự thỏa thuận, tạm thời không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Phạm Thị Thu A và anh Nguyễn Văn B không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Chị Phạm Thị Thu A phải nộp 300.000 đồng án phí sơ thẩm nhưng được trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006668 ngày 07/10/2020 tại Chi cục Thi hành án quận Ngô Quyền, thành phố Hải Phòng.

5. Về án phí hôn nhân và gia đình phúc thẩm: Anh Nguyễn Văn B không phải chịu án phí ly hôn phúc thẩm. Trả lại anh Nguyễn Văn B 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0006233 ngày 22 tháng 4 năm 2021 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ngô Quyền, Hải Phòng.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014, người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, Điều 7, Điều 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- TAND quận Ngô Quyền;
- Chi cục THADS quận Ngô Quyền;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án, HCTP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đặng Hồ Điệp